



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo: LUẬT KINH TẾ
(ECONOMIC LAW)

Mã ngành đào tạo: 7380107

Chuyên ngành đào tạo: Luật Kinh tế

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1302/QĐ-ĐHNH, ngày 01 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh tế có mục tiêu cung cấp cho người tốt nghiệp đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng cần thiết về xã hội, kinh tế, chính trị và pháp luật trong kinh doanh, có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm với xã hội, có tư duy phản biện, khả năng áp dụng các qui định của pháp luật vào hoạt động quản lý kinh tế của nhà nước, vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước, trong hội nhập quốc tế.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức:

- Có kiến thức cơ bản về xã hội, kinh tế, ngoại ngữ, tin học.
- Có kiến thức pháp luật chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế

Về kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp:

- Có kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tư duy độc lập, phản biện.
- Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong lĩnh vực pháp lý
- Có kỹ năng nghiên cứu, tư duy pháp lý để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực pháp luật và kinh doanh;

Về thái độ và phẩm chất nghề nghiệp: - Có thái độ học tập suốt đời, tham gia vào các hoạt động xã hội và có đạo đức nghề nghiệp.

Về năng lực thực hành nghề nghiệp:

- Có khả năng nhận thức về bối cảnh xã hội, môi trường kinh doanh
- Có năng lực vận dụng kiến thức pháp luật vào trong hoạt động của các tổ chức, cá nhân.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Người tốt nghiệp có thể đảm nhận công việc liên quan đến pháp luật (chuyên viên pháp chế, chuyên viên nhân sự, thư ký Tòa án, Viện kiểm sát, Luật sư..) trong các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội, cơ quan nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp.

Người tốt nghiệp có thể tiếp tục theo học các chương trình sau đại học thuộc lĩnh vực pháp luật, chương trình đào tạo để hành nghề luật sư, thẩm phán, kiểm sát viên... theo qui định của nhà nước.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thiết kế thời gian tổ chức đào tạo là 04 năm với 08 học kỳ chính và 03 học kỳ hè. Trong các học kỳ chính, 07 học kỳ đầu sinh viên chủ yếu được học tập trên giảng đường, học kỳ cuối là học kỳ thực tập cuối khóa và thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp có số tín chỉ tương đương. Sinh viên có thể đăng ký học lại, học cải thiện, học vượt trong các học kỳ chính và học kỳ hè. Học kỳ hè được tổ chức đào tạo theo nhu cầu của sinh viên.

Sinh viên có thể học vượt để hoàn thành chương trình trước 01 năm rưỡi so với thời gian đào tạo chuẩn 4 năm thiết kế. Thời gian học tập kéo so với thời gian đào tạo chuẩn không quá 02 năm.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 129 đơn vị tín chỉ (đvtc), không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất (5 đvtc) và Giáo dục quốc phòng (8 đvtc).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO – ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

7. THANG ĐIỂM

Áp dụng theo thang điểm 10, điểm chữ và thang điểm hệ 4 được quy đổi từ thang điểm 10 chỉ sử dụng mang tính tham khảo, đối chiếu.

8. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO – ĐỐI SÁNH

8.1 Chương trình đào tạo Luật kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Ban hành và áp dụng từ năm 2014

8.2 Chương trình đào tạo Luật kinh tế của Trường Đại học Huế

Ban hành và áp dụng từ năm 2014

9. KẾT CẤU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

MỤC	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	TỶ LỆ (%)
1.1	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	8	18	13.95%
1.2	CƠ SỞ NGÀNH	19	51	39.54%
1.3	NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	19	60	46.51%
	TỔNG CỘNG	46	129	100%

10. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔN HỌC TIỀN ĐỀ (*)
1.1	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	18	
	<i>Học phần bắt buộc</i>		
1.1.1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1/ <i>The Basic Principles of Marxism and Leninism 1</i>	2	
1.1.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2/ <i>The Basic Principles of Marxism and Leninism 2</i>	3	1.1.1
1.1.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	1.1.1, 1.1.2
1.1.4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam/ <i>The Revolutionary Lines of the Vietnamese Communist Party</i>	3	1.1.1, 1.1.2
1.1.5	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	2	
1.1.6	Logic học/ <i>Logic</i>	2	
1.1.7	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Method</i>	2	
	<i>Học phần tự chọn đại cương</i> (Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau)	2	

1.1.8	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	2	
1.1.9	Xã hội học/ <i>Sociology</i>	2	
1.2	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	51	
	<i>Học phần bắt buộc</i>		
1.2.1	Nhập môn ngành Luật/ <i>Introduction to Law</i>	2	
1.2.2	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ <i>Theory of State and Law</i>	2	
1.2.3	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3	
1.2.4	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3	1.2.3
1.2.5	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3	1.2.4
1.2.6	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	2	
1.2.7	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	2	
1.2.8	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ <i>Theory of Finance and Currency</i>	3	1.2.3; 1.2.4
1.2.9	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3	1.2.5; 1.2.8
1.2.10	Thuế/ <i>Taxation</i>	3	1.2.4; 1.2.8
1.2.11	Thị trường tài chính và các định chế tài chính/ <i>Financial Markets and Institutions</i>	3	1.2.8
1.2.12	Luật hiến pháp / <i>Constitutional Law</i>	3	1.2.2
1.2.13	Luật hành chính / <i>Administrative Law</i>	3	1.2.2
1.2.14	Luật hình sự / <i>Criminal law</i>	3	1.2.2
1.2.15	Những vấn đề chung về Luật dân sự / <i>General Issues of Civil Law</i>	2	1.2.2
1.2.16	Pháp luật về tài sản và thừa kế/ <i>Property and Inheritance Law</i>	3	1.2.15
1.2.17	Tiếng Anh pháp lý 1/ <i>Legal English 1</i>	3	
1.2.18	Tiếng Anh pháp lý2/ <i>Legal English 2</i>	3	1.2.17

	Học phần tự chọn khối ngành (Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau)	2	
1.2.19	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam / <i>History of Vietnamese State and Law</i>	2	
1.2.20	Luật hôn nhân gia đình / <i>Marital and Family Law</i>	2	
1.3	KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	60	
	Kiến thức ngành	17	
	Học phần bắt buộc		
1.3.1	Công pháp quốc tế / <i>International Public Law</i>	2	1.2.2
1.3.2	Pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng / <i>Obligations and Contract Law</i>	3	1.2.15
1.3.3	Luật tố tụng dân sự/ <i>Civil Procedure Law</i>	3	1.3.2
1.3.4	Luật tố tụng hình sự / <i>Criminal Procedure Law</i>	3	1.2.14
1.3.5	Soạn thảo văn bản / <i>Document Drafting</i>	3	1.2.13
1.3.6	Tư pháp quốc tế/ <i>International Private Law</i>	3	1.3.1
	Kiến thức chuyên ngành	43	
1.3.7	Luật đất đai / <i>Land law</i>	3	1.2.15
1.3.8	Pháp luật về doanh nghiệp / <i>Enterprise Law</i>	3	1.2.15
1.3.9	Luật Ngân hàng/ <i>Banking Law</i>	3	1.3.8
1.3.10	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ/ <i>Law on Commercial Goods and Services</i>	3	1.3.8
1.3.11	Luật sở hữu trí tuệ / <i>Intellectual Property Law</i>	3	1.3.2
1.3.12	Luật chứng khoán / <i>Securities Law</i>	3	1.3.8
1.3.13	Hợp đồng thương mại/ <i>Commercial Contracts</i>	3	1.2.15
1.3.14	Phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh/ <i>Bankruptcy and Dispute Solutions in Business</i>	2	1.3.8
1.3.15	Kỹ năng thực hành nghề luật / <i>Skills in Legal Practice</i>	2	1.3.3, 1.3.4
1.3.16	Thực tập cuối khóa/ <i>Internship</i>	3	Theo Quy chế đào tạo

1.3.17	Học phần khóa luận tốt nghiệp/ <i>Dissertations</i>	9	Theo Quy chế đào tạo
	Học phần tự chọn chuyên ngành (sinh viên chọn 2 học phần)	6	
1.3.18	Luật lao động / <i>Labour law</i>	3	
1.3.19	Pháp luật hợp đồng thương mại quốc tế/ <i>International Commercial Contract Law</i>	3	
1.3.20	Pháp luật về xúc tiến thương mại/ <i>Commercial Promotion Law</i>	3	
1.3.21	Pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ / <i>Obligation Assurance Law</i>	3	
1.3.22	Pháp luật kinh doanh bất động sản / <i>Law on Real Property Trade</i>	3	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	9	
	Sinh viên chọn 3 học phần tự chọn chuyên ngành còn lại để học thay thế khóa luận tốt nghiệp		

Ghi chú: (*) Ghi số thứ tự môn học trước đó nếu có yêu cầu tiên đề

11. PHÂN BỐ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC KỲ

11.1 Học kỳ 1

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.1.1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2
1.1.5	Tâm lý học	2
1.2.1	Nhập môn ngành Luật	2
1.2.2	Lý luận về nhà nước và pháp luật	2
1.2.3	Kinh tế học vi mô	3
1.2.6	Quản trị học	2
1.2.7	Nguyên lý marketing	2
	Giáo dục thể chất 1 (1TC)	
	Giáo dục quốc phòng – an ninh (8 TC)	
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	15

11.2 Học kỳ 2

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌCPHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.1.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3
1.1.6	Logic học	2
1.2.4	Kinh tế học vĩ mô	3
1.2.12	Luật hiến pháp	3
1.2.13	Luật hành chính	3
1.2.19, 1.2.20	Tự chọn đại cương	2
	Giáo dục thể chất 2 (1 TC)	
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	15

11.3 Học kỳ 3

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌCPHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.1.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
1.2.5	Nguyên lý kế toán	3
1.2.8	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	3
1.2.14	Luật hình sự	3
1.2.15	Những vấn đề chung về luật dân sự	2
1.2.16	Pháp luật tài sản và thừa kế	3
1.2.19, 1.2.20	Học phần tự chọn khối ngành	2
	Giáo dục thể chất 3 (1 TC)	
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	18

11.4 Học kỳ 4

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌCPHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.1.7	Phương pháp NCKH	2
1.2.9	Tài chính doanh nghiệp	3
1.2.11	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	3
1.2.17	Tiếng Anh pháp lý 1	3
1.3.2	Pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng	3
1.3.8	Pháp luật về doanh nghiệp	3
	Giáo dục thể chất 4 (1 TC)	
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	17

11.5 Học kỳ 5

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌCPHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.1.4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản VN	3
1.2.10	Thuế	3
1.2.18	Tiếng Anh pháp lý 2	3
1.3.1	Công pháp quốc tế	2
1.3.4	Tổ tụng hình sự	3
1.3.10	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	3
	Giáo dục thể chất 5 (1 TC)	
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	17

11.6 Học kỳ 6

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌCPHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.3.3	Tổ tụng dân sự	3
1.3.6	Tư pháp quốc tế	3

1.3.11	Luật sở hữu trí tuệ	3
1.3.12	Luật chứng khoán	3
1.3.18, 1.3.22	02 học phần tự chọn chuyên ngành	6
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	18

11.7 Học kỳ 7

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌCPHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.3.5	Soạn thảo văn bản	3
1.3.7	Luật đất đai	3
1.3.9	Luật ngân hàng	3
1.3.13	Hợp đồng thương mại	3
1.3.14	Phá sản và giải quyết tranh chấp	2
1.3.15	Kỹ năng thực hành nghề luật	3
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	17

11.8 Học kỳ 8

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌCPHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.3.16	Thực tập cuối khóa	3
1.3.17	Khóa luận tốt nghiệp	9
1.3.18, 1.3.22	<i>hoặc tích lũy 3 học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	9
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	12

Ghi chú: (*) Ghi theo số thứ tự trong Bảng Khung Chương trình đào tạo

12. MÔ TẢ NỘI DUNG MÔN HỌC (các môn học bắt buộc)

1.1.1 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

Môn học trước: không

Mô tả: Môn học xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

1.1.2 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2

Môn học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

Mô tả: Môn học xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

1.1.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh

Môn học trước: Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin 1, 2

Mô tả: Môn học cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa của Hồ Chí Minh; Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; Tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta; Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

1.1.4 Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Môn học trước: Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin 1, 2

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng;

Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

1.1.5 Tâm lý học

Môn học trước: không

Mô tả: Môn học này giúp sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản của tâm lý học, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu tâm lý; nắm vững bản chất của hiện tượng tâm lý và lý giải được cơ sở sinh lý thần kinh của các hiện tượng tâm lý con người.

1.1.6 Logic học

Môn học trước: Không

Mô tả: Logic là môn học bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức đại cương. Môn học này nghiên cứu về những vấn đề liên quan tới tư duy logic. Nội dung chính đề cập đến các vấn đề lý luận và thực tiễn về những qui luật cơ bản của tư duy. Môn học cung cấp kiến thức logic để sinh viên có thể trình bày một cách chính xác, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, rõ ràng các vấn đề cần nêu ra.

1.1.7 Phương pháp nghiên cứu khoa học

Môn học trước: không

Mô tả: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học một cách có hệ thống và mang tính khoa học;

Giúp người học nắm vững các bước và cùng với các kiến thức từ các môn học khác để thực hiện được một hoạt động nghiên cứu khoa học ở cấp độ nghiên cứu khoa học sinh viên: từ xác định vấn đề nghiên cứu; xây dựng đề cương nghiên cứu; tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu; trình bày kết quả một công trình nghiên cứu khoa học;

Nâng cao nhận thức của người học về vị trí, vai trò của khoa học, hoạt động nghiên cứu khoa học đối với nhân loại. Nhìn nhận, đánh giá một vấn đề trên quan điểm khoa học.

1.2.1 Nhập môn ngành Luật

Môn học trước: không

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên những cái nhìn đầu tiên về ngành luật, về các kiến thức cơ bản về pháp luật, về công việc của các luật gia, những người hành nghề luật (thẩm phán, luật sư, kiểm sát viên...) trong tương lai. Môn học giới thiệu về định hướng nghề nghiệp và về các kỹ năng cần thiết của người làm việc trong lĩnh vực pháp luật.

1.2.2 Lý luận về nhà nước và pháp luật

Môn học trước: Không

Mô tả: Môn học cung cấp kiến thức chung về nhà nước và pháp luật. Ngoài ra, người học được tìm hiểu về cơ chế điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ xã hội (qui phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật...). Dựa trên các kiến thức đó, người học có thể vận dụng một cách đơn giản vào các tình huống thực tế và là cơ sở để học các môn pháp luật khác.

1.2.3 Kinh tế học vi mô

Môn học trước: Không

Mô tả: Kinh tế học vi mô là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học này giới thiệu các khái niệm cơ bản và các công cụ sử dụng trong phân tích kinh tế vi mô; tập trung vào việc phân tích hành vi của người tiêu dùng quyết định đến giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ được cung ứng trên thị trường cũng như hành vi của các doanh nghiệp trên các cấu trúc thị trường khác nhau. Bên cạnh đó, môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường làm cơ sở cho việc định hướng can thiệp của Nhà nước nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.

1.2.4 Kinh tế học vĩ mô

Môn học trước: Kinh tế học vi mô

Mô tả: Kinh tế học vĩ mô là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học giới thiệu những kiến thức tổng quát về Kinh tế học vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về cách thức hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Môn học trình bày cách tính các chỉ tiêu kinh tế như sản lượng quốc gia, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lạm phát..., cách xác định sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề vĩ mô của 1 nền kinh tế mở và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể trong từng thời kì.

1.2.5 Nguyên lý kế toán

Môn học trước: Kinh tế học vĩ mô

Mô tả: Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về kế toán, cụ thể: đối tượng kế toán, vai trò và chức năng của kế toán. Bên cạnh đó, môn học trang bị kiến thức về các phương pháp kế toán: phương pháp chứng từ, kiểm kê, tài khoản, ghi sổ, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán. Ngoài ra môn học giúp người học hiểu về tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính.

1.2.6 Quản trị học

Môn học trước: Không

Mô tả: Môn học được xây dựng tạo nền tảng về công việc quản trị trong tổ chức. Đây là học phần kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế. Nội dung tập trung giới thiệu cơ bản về các khái niệm và thực tiễn quản trị trong các tổ chức. Các chủ đề môn học bao gồm một số cách tiếp cận đến các chức năng cơ bản của quản trị bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Các xu hướng về lý thuyết và chức năng quản lý cũng được đánh giá, cũng như nghiên cứu quản lý và ứng dụng vào thực tiễn quản lý và các khía cạnh có trách nhiệm, đạo đức và toàn cầu trong thực tiễn kinh doanh hiện tại.

1.2.7 Nguyên lý Marketing

Môn học trước: Không

Mô tả: Môn học được xây dựng gồm có các nguyên lý cơ bản của marketing. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu, đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

1.2.8 Lý thuyết tài chính – tiền tệ

Môn học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô

Mô tả: Lý thuyết Tài chính tiền tệ là một trong những môn học nằm trong khối kiến thức ngành, nội dung của môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính tiền tệ như: tổng quan về tài chính tiền tệ, ngân sách nhà nước; Những vấn đề cơ bản về tín dụng, ngân hàng và thị trường tài chính; Các lý luận về cung cầu tiền tệ, lãi suất, lạm phát và chính sách tiền tệ... Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng.

1.2.9 Tài chính doanh nghiệp

Môn học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nguyên lý kế toán

Mô tả: Tài chính doanh nghiệp là môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp sản xuất, làm tiền đề để học tiếp các môn kế toán tài chính, phân tích tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính doanh nghiệp và đầu tư tài chính và những môn học khác có liên quan đến tài chính của doanh nghiệp. Trong môn học này sinh viên sẽ được nghiên cứu những vấn đề chủ yếu như: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp, Giá trị của tiền theo thời gian, Quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro, Các nguồn tài trợ cho doanh nghiệp, Chi phí sử dụng vốn, Các lý thuyết về cơ cấu vốn, Đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính.

1.2.10 Thuế

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô, Lý thuyết tài chính tiền tệ

Mô tả: Môn học này giới thiệu cho sinh viên hệ thống thuế của Việt Nam, trình bày những kiến thức cơ bản về thuế trên góc độ lý thuyết (kinh tế, chính trị và pháp lý), hướng dẫn sinh viên phương pháp tính thuế và thảo luận các vấn đề liên quan đến thuế đối với cá nhân, doanh nghiệp và xã hội.

1.2.11 Thị trường tài chính và các định chế tài chính

Môn học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ

Mô tả: Môn học cung cấp những kiến thức nền tảng, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về hệ thống tài chính, thị trường tài chính, các định chế tài chính, cách thức vận hành, tổ chức hoạt động và các công cụ giao dịch trên thị trường tài chính.

Nội dung chính của môn học gồm 3 phần: tổng quan về hệ thống tài chính, thị trường tài chính và các định chế tài chính.

1.2.12 Luật hiến pháp

Môn học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật

Mô tả: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Có nội dung: chế độ kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ; chính sách đối ngoại, quốc phòng và an ninh của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; chế độ bầu cử, quốc tịch, quốc kỳ, quốc ca của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Môn học còn giới thiệu tổng quan về bộ máy nhà nước, quốc hội, chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án và Viện kiểm sát nhân dân.

1.2.13 Luật hành chính

Môn học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật

Mô tả: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Gồm có nội dung chính về quản lý nhà nước, cơ quan hành chính, cán bộ công chức nhà nước; quy phạm pháp luật hành chính và quan hệ pháp luật hành chính; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; thủ tục hành chính; quyết định hành chính; địa vị pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội, địa vị pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài; vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; các biện pháp bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.

1.2.14 Luật hình sự

Môn học trước: Lý luận về nhà nước và pháp luật

Mô tả: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Những nội dung chính: Khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc cơ bản của luật hình sự; khái niệm, cấu tạo và hiệu lực của đạo luật hình sự; tội phạm, cấu thành tội phạm; khách thể và chủ thể của tội phạm; khái niệm, trách nhiệm hình sự; mục đích của hình phạt; hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp khác; trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội; các loại tội phạm về kinh tế.

1.2.15 Những vấn đề chung về luật dân sự

Môn học trước: Luật hiến pháp

Mô tả: Đây là môn học bắt buộc trong chuyên ngành luật kinh tế. Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức về những vấn đề chung của luật dân sự Việt Nam, về quan

hệ pháp luật dân sự, các loại chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự, về đại diện, về thời hạn, về thời hiệu.

1.2.16 Pháp luật về tài sản và thừa kế

Môn học trước: Những vấn đề chung về luật dân sự

Mô tả: Đây là môn học bắt buộc trong chuyên ngành luật kinh tế. Nội dung môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp luật về tài sản, sở hữu, thừa kế, những quan hệ thừa kế có yếu tố nước ngoài

1.2.17 Tiếng Anh pháp lý 1

Môn học trước: TOEIC 350 hoặc tương đương

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội nâng cao thêm từ vựng, cấu trúc tiếng Anh cùng những kỹ năng ngôn ngữ cần thiết khác liên quan đến một số kiến thức về pháp luật trong môi trường kinh doanh như luật thành lập công ty, luật tuyển dụng, luật mua bán sản phẩm và dịch vụ v.v....

1.2.18 Tiếng Anh pháp lý 2

Môn học trước: Tiếng Anh pháp lý 1

Mô tả: Môn học được thiết kế liên tục với Tiếng Anh pháp lý 1 nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội nâng cao thêm từ vựng, cấu trúc tiếng Anh cùng những kỹ năng ngôn ngữ cần thiết khác thường được sử dụng trong một số lĩnh vực luật kinh tế như luật sở hữu trí tuệ, luật sát nhập và luật quy trình quản lý rủi ro và phá sản v.v....

1.3.1 Công pháp quốc tế

Môn học trước: Lý luận về nhà nước và pháp luật

Mô tả: Môn học thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành luật. Môn học cung cấp những kiến thức lý luận về lĩnh vực luật quốc tế bao gồm một số nội dung cơ bản về luật quốc tế và các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế. Môn học cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản về dân cư, luật biển, lãnh thổ và biên giới, ngoại giao và lãnh sự cũng như trách nhiệm pháp lý quốc tế của các bên trong quan hệ pháp luật quốc tế. Những kiến thức này được áp dụng nhằm giải thích và giải quyết các tranh chấp quốc tế giữa các quốc gia.

1.3.2 Pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng

Môn học trước: Pháp luật về tài sản và thừa kế

Mô tả: Đây là môn học bắt buộc trong chuyên ngành luật kinh tế. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghĩa vụ dân sự, nghĩa vụ trong và ngoài hợp đồng, trách nhiệm dân sự, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

1.3.3 Luật tố tụng dân sự

Môn học trước: Pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng

Mô tả: Những nội dung chính: Khái niệm và nguyên tắc của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền của tòa án nhân dân, cơ quan tiến hành và tham gia tố tụng dân sự; chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự; án phí, chi phí tố tụng; lệ phí tòa án và tiền phạt trong tố tụng dân sự. Khởi kiện, khởi tố và thụ lý án dân sự; điều tra, tạm đình chỉ và đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự; hòa giải vụ án dân sự; phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm án dân sự; giải quyết vụ án dân sự có yếu tố nước ngoài.

1.3.4 Luật tố tụng hình sự

Môn học trước: Luật hình sự

Mô tả: Môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Luật. Môn học cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự; các qui định về chứng cứ; các giai đoạn tố tụng hình sự như khởi tố vụ án, điều tra, xét xử vụ án hình sự. Ngoài ra, môn học còn cung cấp kiến thức về việc thi hành bản án hoặc quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

1.3.5 Soạn thảo văn bản

Môn học trước: Luật hành chính, Pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng

Mô tả: Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng và cách thức soạn thảo văn bản quản lý nhà nước, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông dụng.

1.3.6 Tư pháp quốc tế

Môn học trước: Luật sở hữu trí tuệ, Pháp luật về nghĩa vụ và Hợp đồng.

Mô tả: Môn học bắt buộc thuộc kiến thức chuyên ngành luật. Nội dung liên quan đến các quan hệ pháp luật dân sự, thương mại, hôn nhân và gia đình, lao động và tố tụng dân sự có yếu tố nước ngoài.

Nội dung gồm có: quyền sở hữu và thừa kế, quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp trong tư pháp quốc tế. Hợp đồng và trách nhiệm ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế; Hôn nhân gia đình trong tư pháp quốc tế.

1.3.7 Luật đất đai

Môn học trước: Pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng

Mô tả: Những vấn đề chung về sở hữu toàn dân đối với đất đai; các nguyên tắc cơ bản và chế độ quản lý nhà nước về đất đai; quyền sử dụng đất và địa vị pháp lý của người sử dụng đất; chế độ pháp lý của một số loại đất chuyên dụng: đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất ở.

1.3.8 Pháp luật về doanh nghiệp

Môn học trước: Luật hành chính, Luật hiến pháp

Mô tả: Đây là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Môn học trang bị cho người học kiến thức lý luận và thực tiễn chuyên sâu về các loại hình công ty theo pháp luật Việt Nam; cơ cấu tổ chức hoạt động nội bộ, hoạt động kinh doanh của loại hình công ty.

1.3.9 Luật ngân hàng

Môn học trước: Pháp luật về doanh nghiệp

Mô tả: Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung chính gồm có những vấn đề lý luận về ngân hàng và pháp luật ngân hàng; địa vị pháp lý của ngân hàng nhà nước; địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng; pháp luật về quản lý tiền tệ và ngoại hối; pháp luật về tín dụng và ngân hàng; pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán của các ngân hàng.

1.3.10 Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ

Môn học trước: Pháp luật về doanh nghiệp

Mô tả: Đây là mại là môn học chuyên ngành. Môn học cung cấp những kiến thức về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam. Nội dung chính đề cập đến các vấn đề lý luận và thực tiễn trong từng hoạt động thương mại cụ thể; quyền và nghĩa vụ của thương nhân trong hoạt động thương mại; hình thức và các nguyên tắc áp dụng chế tài trong hoạt động thương mại.

1.3.11 Luật sở hữu trí tuệ

Môn học trước: Pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng

Mô tả: Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành Luật. Có nội dung chính: Quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp; chuyển giao công nghệ. Công ước về quyền sở hữu trí tuệ trên thế giới.

1.3.12 Luật chứng khoán

Môn học trước: Pháp luật về doanh nghiệp

Mô tả: Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành Luật. Có nội dung chính: Các quy định pháp luật về hoạt động chứng khoán và TTCK...Các quy định pháp luật về công ty đại chúng.Các quy định pháp luật về chào bán chứng khoán ra công chúng. Quản lý Nhà nước về thanh tra hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các quy định pháp luật về xử lý vi phạm trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán.Các quy định về việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và bồi thường thiệt hại trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán.

1.3.13 Hợp đồng thương mại

Môn học trước: Pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng

Mô tả: Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung gồm có một số hợp đồng trong kinh doanh, thương mại thông dụng: hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng nhượng quyền thương mại, hợp đồng đấu thầu, hợp đồng mua bán doanh nghiệp....

1.3.14 Phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh

Môn học trước: Pháp luật về doanh nghiệp, Luật tố tụng dân sự

Mô tả: Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung gồm có các qui định về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (về thủ tục thực hiện phá sản và liên quan). Ngoài ra, môn học tìm hiểu về các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh như hòa giải thương mại, thủ tục tố tụng tại tòa án, trọng tài.

1.3.15 Kỹ năng thực hành nghề luật

Môn học trước: Luật tố tụng hình sự, Tố tụng dân sự

Mô tả: Nghề luật, bên cạnh các yêu cầu kiến thức về luật nội dung, luật hình thức, còn đòi hỏi người hành nghề có các kỹ năng ở mức tối thiểu và chuyên sâu. Môn học này nhằm cung cấp cho người học những kỹ năng đó, bao gồm các mảng chính: kỹ năng tư vấn, kỹ năng tranh tụng, kỹ năng đàm phán, giao kết và soạn thảo hợp đồng.

1.3.16 Thực tập cuối khóa

Môn học trước: Theo Quy chế đào tạo

Mô tả: Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Sinh viên sẽ hoàn thành và lập báo cáo thực tập liên quan đến các hoạt động tại cơ sở thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách. Báo cáo thực tập có hình thức và nội dung theo yêu cầu của Trường và Khoa.

1.3.17 Khóa luận tốt nghiệp

Môn học trước: Theo Quy chế đào tạo

Mô tả: Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Sinh viên chọn đề tài, được phân công giảng viên hướng dẫn và tiến hành thực hiện khóa luận tốt nghiệp. Hình thức và nội dung đúng theo yêu cầu. Trong trường hợp khác, sinh viên có thể chọn học 3 học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

1.3.19. Pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế

Môn học trước: Pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng

Mô tả: Tự do hóa thương mại là xu thế tất yếu và ngày càng có sự tác động lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực ký kết và thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế. Môn học này đi sâu vào việc phân tích, so sánh pháp luật về hợp đồng của các nước khác nhau và được chia thành hai phần. Phần những vấn đề chung về hợp đồng thương mại quốc tế bao gồm: khái quát hợp đồng

thương mại quốc tế; Ký kết, điều chỉnh nội dung hợp đồng thương mại quốc tế; Chế tài do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế; Thanh toán quốc tế; Giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại quốc tế. Phần các hợp đồng thương mại quốc tế phổ biến bao gồm: Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; Trung gian trong thương mại quốc tế; Hợp đồng nhượng quyền thương mại quốc tế; Tài trợ xuất nhập khẩu; Hợp đồng vận chuyển hàng hóa quốc tế.

1.3.20. Pháp luật về Xúc tiến thương mại

Môn học trước: Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ

Mô tả: Đây là môn học chuyên ngành. Môn học cung cấp những kiến thức pháp lý cần thiết về hoạt động xúc tiến thương mại. Nội dung môn học giới thiệu khái quát về hoạt động xúc tiến thương mại như khái niệm, đặc điểm cũng như vai trò của hoạt động xúc tiến thương mại; Nêu lên những vấn đề pháp lý quan trọng trong điều chỉnh hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay.

1.3.21. Pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ

Môn học trước: Pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng

Mô tả: Đây là môn học chuyên ngành. Môn học cung cấp những kiến thức pháp lý về bảo đảm nghĩa vụ. Nội dung môn học giới thiệu khái niệm và phân loại giao dịch bảo đảm; Tài sản đăng ký giao dịch bảo đảm; Thời hạn đăng ký và thời hạn có hiệu lực của đăng ký giao dịch bảo đảm; Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm; Trình tự thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm; Trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Hồ sơ, thủ tục xóa đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm bằng động sản; Hồ sơ, thủ tục xóa đăng ký giao dịch bảo đảm bằng động sản.

1.2.22. Pháp luật kinh doanh bất động sản

Môn học trước: Không

Mô tả: Đây là môn học chuyên ngành nhằm nghiên cứu chuyên sâu về thị trường bất động sản. Môn học cung cấp cho người học những quy định của pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; Đối tượng, phạm vi, điều kiện và các nguyên tắc trong đầu tư, kinh doanh bất động sản; Các hình thức kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong kinh doanh bất động sản. Môn học cũng cung cấp cho người học thêm các kiến thức trọng tâm về các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản.

13. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT (*)	TÊN MÔN HỌC	STC	PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY	HỌC HÀM HỌC VỊ
1.1.1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	1. Hồ Trần Hùng	ThS
			2. Hà Thanh Quyền	ThS
			3. Phùng Văn Ứng	ThS
1.1.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	1. Cung Thị Tuyết Mai	TS
			2. Hồ Việt Hà	ThS
			3. Trương Thị Thùy Dung	ThS
1.1.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1. Hà Thanh Quyền	ThS
			2. Hồ Trần Hùng	ThS
			3. Nguyễn Thị Thu Lài	ThS
1.1.4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	1. Ngô Thị Kim Liên	ThS
			2. Nguyễn Thị Thu Lài	ThS
			3. Vũ Thị Thu Huyền	ThS
1.1.5	Tâm lý học	2	1. Huỳnh Lâm Anh Chương	TS
			1. Lê Thị Linh Trang	TS
			2. Nguyễn Thị Diễm My	ThS
1.1.6	Logic học	2	1. Trần Mai Ước	PGS,TS
			2. Phạm Đình Nghiệm	PGS,TS
			3. Nguyễn Quỳnh Anh	ThS
1.1.7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1. Nguyễn Thế Bính	TS
			2. Trương Thị Thùy Dung	ThS
			3. Đoàn Thanh Hà	PGS,TS
1.2.1	Nhập môn ngành Luật	2	1. Võ Song Toàn	ThS

			2. Nguyễn Kiên Bích Tuyền	ThS
1.2.2	Lý luận về nhà nước và pháp luật	2	1. Bùi Kim Dung	ThS
			2. Bùi Huy Tùng	ThS
			3. Võ Song Toàn	ThS
			4. Nguyễn Thị Thu Thủy	TS
1.2.3	Kinh tế học vi mô	3	1. Hạ Thị Thiều Dao	PGS,TS
			2. Trần Thị Thùy Dung	ThS
			3. Nguyễn Thị Thu Hương	ThS
1.2.4	Kinh tế học vĩ mô	3	1. Hạ Thị Thiều Dao	PGS,TS
			2. Trần Thị Thùy Dung	ThS
			3. Vũ Thị Hải Anh	ThS
1.2.5	Nguyên lý kế toán	2	1. Nguyễn Thị Loan	PGS, TS
			2. Trần Quốc Thịnh	TS
			3. Nguyễn Thị Mai Hương	TS
1.2.6	Quản trị học	2	1. Nguyễn Văn Thụy	TS
			2. Trần Dục Thức	TS
			3. Lê Ngọc Thắng	ThS
1.2.7	Nguyên lý Marketing	2	1. Trần Văn Đạt	TS
			2. Hoàng Thị Thanh Hằng	TS
			3. Nguyễn Thị Thanh Nhân	ThS
1.2.8	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	3	1. Đặng Văn Dân	TS
			2. Đặng Thị Quỳnh Anh	ThS
			3. Huỳnh Quốc Khiêm	ThS
1.2.9	Tài chính doanh nghiệp	3	1. Lê Hoàng Vinh	TS
			2. Trần Nguyễn Minh Hải	ThS

			3. Nguyễn Thị Ngọc Linh	ThS
1.2.10	Thuế	3	1. Đặng Văn Dân	TS
			2. Ngô Vi Trọng	TS
			3. Phạm Anh Thủy	TS
1.2.11	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	3	1. Lê Thẩm Dương	TS
			2. Nguyễn Thế Bính	TS
			3. Vũ Thị Anh Thư	ThS
1.2.12	Luật hiến pháp	3	1. Bùi Huy Tùng	ThS
			2. Bùi Kim Dung	ThS
			3. Hoàng Minh Khôi	TS
1.2.13	Luật hành chính	3	1. Bùi Huy Tùng	ThS
			2. Nguyễn Thị Thu Thủy	TS
			3. Hoàng Minh Khôi	TS
1.2.14	Luật hình sự	3	1. Hoàng Minh Khôi	TS
			2. Bùi Kim Dung	ThS
1.2.15	Những vấn đề chung về Luật dân sự	2	1. Lâm Tổ Trang	TS
			2. Nguyễn Kiên Bích Tuyền	ThS
			3. Vũ Huy Hoàng	ThS
1.2.16	Pháp luật về tài sản và thừa kế	3	1. Lâm Tổ Trang	TS
			2. Nguyễn Kiên Bích Tuyền	ThS
			3. Vũ Huy Hoàng	ThS
1.2.17	Tiếng Anh pháp lý 1	3	1. Nguyễn Ngọc Phương Dung	ThS
			2. Phạm Lê Sùng Chính	ThS
1.2.18	Tiếng Anh pháp lý 2	3	1. Võ Đức Tâm	ThS

			2. Đinh Văn Sơn	TS
1.3.1	Công pháp quốc tế	2	1. Nguyễn Thị Thu Trang	ThS
			2. Nguyễn Thị Vân Huyền	ThS
1.3.2	Pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng	3	1. Lâm Tổ Trang	TS
			2. Nguyễn Kiên Bích Tuyền	ThS
			3. Trần Minh Thuận	ThS
1.3.3	Luật tố tụng dân sự	3	1. Trần Minh Thuận	ThS
			2. Bùi Quang Tín	TS
			3. Lương Khải Ân	ThS
1.3.4	Luật tố tụng hình sự	3	1. Bùi Kim Dung	ThS
			2. Nguyễn Trường Thiệp	TS
			3. Hoàng Minh Khôi	TS
1.3.5	Soạn thảo văn bản	3	1. Trần Thị Ánh Minh	ThS
			2. Dương Hồng Thị Phi Phi	ThS
			3. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	ThS
			4. Hoàng Minh Khôi	TS
1.3.6	Tư pháp quốc tế	3	1. Nguyễn Thị Thu Trang	ThS
			2. Nguyễn Thị Vân Huyền	ThS
1.3.7	Luật đất đai	3	1. Phan Thy Tường Vi	ThS
			2. Phạm Văn Võ	TS
1.3.8	Pháp luật về doanh nghiệp	3	1. Nguyễn Thị Kim Thoa	ThS
			2. Vương Tuyết Linh	ThS
			3. Võ Song Toàn	ThS
			4. Nguyễn Thị Thu Thủy	TS
1.3.9	Luật Ngân hàng	3	1. Bùi Kim Dung	ThS

			2. Vương Tuyết Linh	ThS
1.3.10	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	3	1. Nguyễn Thị Kim Thoa	ThS
			2. Bùi Quang Tín	TS
			3. Nguyễn Thị Thu Thủy	TS
1.3.11	Luật sở hữu trí tuệ	3	1. Trương Thị Tường Vi	ThS
			2. Lê Ngọc Bảo	ThS
			3. Vũ Huy Hoàng	ThS
1.3.12	Luật chứng khoán	3	1. Bùi Huy Tùng	ThS
			2. Phan Diên Vỹ	TS
1.3.13	Hợp đồng trong kinh doanh, thương mại	3	1. Nguyễn Kiên Bích Tuyền	ThS
			2. Võ Song Toàn	ThS
			3. Nguyễn Thị Kim Thoa	ThS
1.3.14	Phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	2	1. Vương Tuyết Linh	ThS
			2. Phan Diên Vỹ	TS
			3. Nguyễn Thị Kim Thoa	ThS
			4. Vũ Huy Hoàng	ThS
1.3.15	Kỹ năng thực hành nghề luật	2	1. Phan Diên Vỹ	TS
			2. Vũ Huy Hoàng	ThS
			3. Trần Minh Thuận	ThS
			4. Nguyễn Thị Hương Giang	ThS
1.3.16	Thực tập cuối khóa	3	1. Bùi Kim Dung	ThS
			2. Vương Tuyết Linh	ThS
			3. Bùi Huy Tùng	ThS
			4. Nguyễn Kiên Bích Tuyền	ThS
			5. Nguyễn Thị Thu Thủy	TS

			6. Nguyễn Thị Kim Thoa	ThS
			7. Võ Song Toàn	ThS
			8. Phan Diên Vỹ	TS
			9. Bùi Quang Tín	TS
1.3.17	Học phần khóa luận tốt nghiệp	8	1. Bùi Kim Dung	ThS
			2. Vương Tuyết Linh	ThS
			3. Bùi Huy Tùng	ThS
			4. Nguyễn Kiên Bích Tuyền	ThS
			5. Nguyễn Thị Thu Thủy	TS
			6. Nguyễn Thị Kim Thoa	ThS
			7. Võ Song Toàn	ThS
			8. Phan Diên Vỹ	TS
			9. Bùi Quang Tín	TS

Lưu ý: Ghi STT môn học khớp với STT trong Bảng khung Chương trình đào tạo

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

14.1. Thay thế Khóa luận tốt nghiệp: Trường hợp sinh viên không thực hiện học phần Khóa luận tốt nghiệp, nhóm các môn học thay thế phải có tổng số tín chỉ tương đương 9.

14.2. Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng: Là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp (có chứng chỉ hoàn thành), không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

14.3. Các môn học tiếng Anh: Không thiết kế các học phần tiếng Anh căn bản vào Chương trình đào tạo. Tiếng Anh chuyên ngành gồm 2 học phần với tổng số 6 đơn vị tín chỉ: Tiếng Anh pháp lý 1 (3 đvtc) và Tiếng Anh pháp lý 2 (3 đvtc).

14.4. Chuẩn tiếng Anh và Tin học: Sau khi nhập học, sinh viên phải dự thi để kiểm tra trình độ tiếng Anh (theo chuẩn TOEIC) và trình độ tin học căn bản (theo chuẩn A, B, C). Những trường hợp không đủ chuẩn phải xuất trình chứng chỉ theo lộ trình do Trường quy định:

- + Chuẩn tiếng Anh sau khi kết thúc giai đoạn đại cương (cuối Học kỳ 3) đạt TOEIC 350 hoặc tương đương. Chuẩn tiếng Anh đầu ra (điều kiện để xét tốt nghiệp) đạt TOEIC 530 hoặc tương đương B1 theo khung tham chiếu Châu Âu;
- + Chuẩn Tin học sau khi kết thúc năm thứ I đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin căn bản (để được học tiếp Tin học ứng dụng ở học kỳ 3, 4). Chuẩn Tin học đầu ra đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Bùi Hữu Toàn